

Số: *32* /2019/QĐ-UBND

Hà Tĩnh, ngày *4* tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
Ban hành Quy định quản lý về an toàn thực phẩm
trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015;

Căn cứ Luật an toàn thực phẩm ngày 17/6/2010;

Căn cứ Nghị định số 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật an toàn thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12/11/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Y tế;

Căn cứ Nghị định số 66/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ quy định điều kiện kinh doanh về bảo vệ và kiểm dịch thực vật, giống cây trồng, nuôi động vật thông thường, chăn nuôi, thủy sản, thực phẩm;

Căn cứ Nghị định số 123/2018/NĐ-CP ngày 17/9/2018 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung Nghị định số 66/2016/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 77/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số quy định về điều kiện đầu tư kinh doanh trong lĩnh vực mua bán hàng hóa quốc tế, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp, phân bón, kinh doanh khí, kinh doanh thực phẩm thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Bộ Công Thương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 13/2014/TTLT-BYT-BNNPTNT-BCT ngày 09/4/2014 của Bộ Y tế - Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn - Bộ Công Thương hướng dẫn việc phân công, phối hợp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm;

Căn cứ các Thông tư: Số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương; Số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy

định việc thẩm định, chứng nhận cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Sở Y tế tại Tờ trình số 1108/TTr-SYT ngày 03/6/2019; Báo cáo thẩm định số 248/BC-STP ngày 27/5/2019 của Sở Tư pháp.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

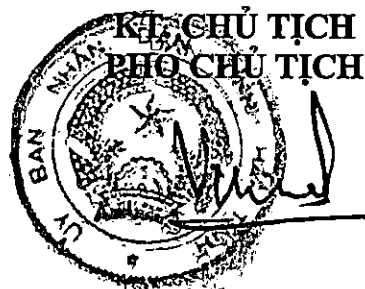
Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 25 tháng 6 năm 2019 và thay thế Quyết định số 21/2017/QĐ-UBND ngày 15/5/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Quy định quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Chánh Văn phòng Đoàn ĐBQH, HĐND và UBND tỉnh; Giám đốc (Thủ trưởng) các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Văn phòng Chính phủ;
- Ban Chỉ đạo LNTW VSATTP;
- Các Bộ: Y tế, NN&PTNT, Công thương;
- Cục Kiểm tra VBQPPL, Bộ Tư pháp;
- TTr: Tỉnh ủy, HĐND tỉnh;
- Ban Thường trực UBMTTQ tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PVP Đoàn ĐBQH, HĐND&UBND tỉnh;
- Trung tâm TT-CB-TH;
- Lưu VT, KGVX₁.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



Đặng Quốc Vinh

Hà Tĩnh, ngày tháng 6 năm 2019

QUY ĐỊNH

Quản lý về an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh
(Ban hành kèm theo Quyết định số 2/2019/QĐ-UBND
ngày 16/6/2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh Hà Tĩnh)

**Chương I
NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm của các sở, ban, ngành cấp tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã (UBND cấp huyện); Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn (UBND cấp xã); các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng đối với các cơ quan chức năng trong tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm; các tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm; các tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh.

Điều 3. Nguyên tắc phân công trách nhiệm quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm

1. Trên cơ sở các quy định của Luật an toàn thực phẩm và bảo đảm phù hợp với các văn bản pháp luật có liên quan.
2. Trên cơ sở thống nhất quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
3. Bảo đảm việc quản lý xuyên suốt toàn bộ quá trình sản xuất, kinh doanh thực phẩm.
4. Phối hợp chặt chẽ giữa các sở, ban, ngành cấp tỉnh.
5. Bảo đảm nguyên tắc một sản phẩm, một cơ sở sản xuất, kinh doanh chỉ chịu sự quản lý của một cơ quan quản lý nhà nước.
6. Bảo đảm tính khoa học, đầy đủ và khả thi.
7. Phân cấp quản lý nhà nước giữa chính quyền địa phương các cấp trong quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm.
8. Đối với cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì cơ quan quản lý sản phẩm có số lượng lớn nhất trong các sản phẩm của cơ sở sản xuất là cơ quan quản lý chính.
9. Đối với cơ sở không thực hiện công đoạn sản xuất nhưng kinh doanh nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên do ngành Công Thương quản lý, trừ trường hợp là chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản.



10. Đối với cơ sở vừa sản xuất vừa kinh doanh nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên thì tổ chức, cá nhân có quyền lựa chọn cơ quan quản lý chuyên ngành về an toàn thực phẩm để thực hiện các thủ tục hành chính.

11. Cùng một đối tượng quản lý nhưng có nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của từ hai cấp trở lên thì thuộc thẩm quyền quản lý của cấp cao nhất.

12. Hoạt động thanh tra, kiểm tra phải bảo đảm không chồng chéo giữa các ngành, các cấp, bảo đảm hoạt động thanh tra, kiểm tra thống nhất từ Trung ương đến địa phương. Trường hợp có sự trùng lặp kế hoạch thanh tra, kiểm tra thì thực hiện như sau:

a) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp dưới trùng với kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cấp trên thì thực hiện theo kế hoạch kiểm tra của cơ quan cấp trên;

b) Kế hoạch thanh tra, kiểm tra của cơ quan cùng cấp trùng nhau về địa bàn, cơ sở thì các bên trao đổi thống nhất thành lập Đoàn liên ngành.

Chương II

PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VỀ AN TOÀN THỰC PHẨM TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH

Điều 4. Trách nhiệm của Sở Y tế

1. Đầu mối Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm tỉnh. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng và ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật, các chương trình, kế hoạch tổng thể bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn và các đề án, kế hoạch chi tiết để triển khai thực hiện công tác an toàn thực phẩm thuộc phạm vi ngành, lĩnh vực được phân công quản lý.

2. Cấp và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các đối tượng sau:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh sản phẩm thực phẩm được quy định tại Phụ lục II Nghị định 15/2018/NĐ-CP ngày 02/02/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật an toàn thực phẩm (sau đây gọi tắt là Nghị định số 15/2018/NĐ-CP) bao gồm: Nước khoáng thiên nhiên, nước uống đóng chai, phụ gia, hương liệu, chất hỗ trợ chế biến thực phẩm.

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh nhiều loại thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của cấp tỉnh và cấp huyện.

c) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ 2 cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Trung ương hoặc tỉnh cấp, trong đó sản phẩm có sản lượng lớn nhất thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế.

d) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp do Trung ương hoặc tỉnh cấp; Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống trong các siêu thị, trung tâm thương mại, khu công nghiệp.



3. Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm quy định tại Phụ lục II Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (trừ những cơ sở thuộc thẩm quyền quản lý của Bộ Y tế quy định tại Khoản 5 Điều 37 Nghị định này).

4. Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ, cấp Giấy tiếp nhận đăng ký bản công bố sản phẩm, Giấy xác nhận nội dung quảng cáo đối với sản phẩm dinh dưỡng y học, thực phẩm dùng cho chế độ ăn đặc biệt, sản phẩm dinh dưỡng dùng cho trẻ đến 36 tháng tuổi.

5. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều này; nhà hàng trong khách sạn; cơ sở sản xuất, kinh doanh dụng cụ, vật liệu bao gói, chứa đựng tiếp xúc trực tiếp thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý của ngành Y tế; bếp ăn tập thể không có đăng ký ngành nghề kinh doanh thực phẩm nhưng có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Trung ương hoặc tỉnh cấp.

6. Chủ trì, phối hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, giám sát theo phân cấp của ngành Y tế; theo sự vụ, đột xuất khi có yêu cầu; xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm.

7. Kiểm tra, giám sát chất lượng nước ăn, uống trên địa bàn tỉnh.

8. Tổ chức tuyên truyền giáo dục, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tuyến cơ sở và người sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm.

9. Chủ trì, phối hợp các sở, ban, ngành liên quan tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức sơ kết, tổng kết các chương trình, kế hoạch, chỉ thị về an toàn thực phẩm trên địa bàn toàn tỉnh. Tổ chức sơ kết, tổng kết các chuyên đề, chương trình, kế hoạch, chỉ thị về an toàn thực phẩm thuộc ngành quản lý.

10. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy chuẩn kỹ thuật các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương do ngành Y tế quản lý.

11. Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành liên quan và các địa phương trên địa bàn tỉnh tổ chức thực hiện:

a) Điều tra, giám sát, phân tích các mối nguy cơ gây ô nhiễm thực phẩm, dự báo nguy cơ, phòng, chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền qua thực phẩm.

b) Điều tra nguyên nhân, truy xuất nguồn gốc thực phẩm nghi ngờ gây ngộ độc thực phẩm.

Điều 5. Trách nhiệm của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

1. Chịu trách nhiệm bảo đảm an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản, muối trên địa bàn tỉnh theo phân cấp quy định tại Điều 63 của Luật An toàn thực phẩm, Điều 38 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP và theo Quy định này.

2. Dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công tác quản lý chất lượng, an toàn thực phẩm nông, lâm, thủy sản, muối trên địa bàn tỉnh.

3. Cấp và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 17 Thông tư số 38/2018/TT-BNNPTNT ngày 25/12/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định việc thẩm định, chứng nhận

cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho các đối tượng sau:

a) Tổ chức, cá nhân sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý có chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư do cấp tỉnh cấp hoặc do cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh cấp (bao gồm cả chợ đầu mối, chợ đầu giá nông sản, tàu cá có chiều dài lớn nhất trên 15m).

b) Cơ sở sản xuất nhiều loại sản phẩm thực phẩm thuộc thẩm quyền quản lý từ hai cơ quan quản lý chuyên ngành trở lên, trong đó sản phẩm có sản lượng lớn nhất thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

4. Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm do Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý tại Phụ lục III Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

5. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Khoản 3 Điều này; Các cơ sở do ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quản lý có Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đầu tư do cấp tỉnh cấp hoặc cơ quan Trung ương cấp đóng trên địa bàn tỉnh thuộc lĩnh vực: Kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn do ngành Nông nghiệp quản lý; Các cơ sở quy định tại Điểm k Khoản 1 Điều 12 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

6. Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho các đối tượng quy định tại Khoản 5 Điều này mà thuộc diện phải có Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm.

7. Chủ trì thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, giám sát theo phân cấp cho ngành Nông nghiệp; phối hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh theo sự vụ hoặc đột xuất khi có yêu cầu; xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm.

8. Tổ chức tuyên truyền giáo dục, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tuyến cơ sở và người sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm.

9. Tổ chức thực hiện chương trình giám sát an toàn thực phẩm, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm đối với sản phẩm thuộc ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn được phân công quản lý.

10. Tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy chuẩn kỹ thuật các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương do ngành Nông nghiệp quản lý.

11. Định kỳ, đột xuất báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 6. Trách nhiệm của Sở Công Thương

1. Dự thảo, trình Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt chương trình, kế hoạch, đề án, dự án về công tác quản lý chất lượng an toàn thực phẩm do ngành Công Thương quản lý.



2. Cấp và thu hồi Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc lĩnh vực quản lý của ngành Công Thương, bao gồm:

a) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân cấp quản lý của tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã theo Phụ lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP (trừ trường hợp quy định Khoản 1 Điều 12 Nghị định này).

b) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều 6 Thông tư số 43/2018/TT-BCT ngày 15/11/2018 của Bộ Công Thương quy định về quản lý an toàn thực phẩm thuộc trách nhiệm của Bộ Công Thương.

3. Cấp giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm cho chủ cơ sở và người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm của tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã theo Phụ lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP.

4. Tổ chức tiếp nhận và quản lý hồ sơ bản tự công bố sản phẩm đối với các sản phẩm quy định tại Phụ lục IV Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã.

5. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm quy định tại Khoản 2 Điều này.

6. Chủ trì thanh tra, kiểm tra, hậu kiểm, giám sát theo phân cấp cho ngành Công Thương; phối hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; theo sự vụ, đột xuất khi có yêu cầu; xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm.

7. Tổ chức tuyên truyền giáo dục, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn tỉnh; đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tuyến cơ sở và người sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm.

8. Tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của địa phương do ngành Công Thương quản lý.

9. Định kỳ, đột xuất báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 7. Trách nhiệm của các sở, ngành liên quan

1. Sở Nội vụ

a) Phối hợp các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp và các đơn vị có liên quan báo cáo, tham mưu bố trí biên chế thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm đảm bảo đúng quy định hiện hành và phù hợp tình hình thực tế.

b) Hướng dẫn thực hiện chế độ, chính sách, phụ cấp ưu đãi nghề nghiệp cho cán bộ, công chức, viên chức làm công tác an toàn thực phẩm theo quy định.

2. Công an tỉnh

a) Tổ chức điều tra, phát hiện, xử lý kịp thời, đúng quy định những hành vi vi phạm pháp luật về an toàn thực phẩm.

b) Phối hợp liên ngành trong thanh tra, kiểm tra định kỳ và đột xuất về an toàn thực phẩm. Phát hiện, ngăn chặn, xử lý việc vận chuyển tiêu thụ thực phẩm không đảm bảo vệ sinh, kém chất lượng và thực phẩm không rõ nguồn gốc trên địa bàn.



3. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Phối hợp với các cơ quan liên quan xây dựng quy chuẩn kỹ thuật địa phương về an toàn thực phẩm đối với các sản phẩm thực phẩm đặc thù của tỉnh.

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành liên quan thực hiện quản lý, thanh tra, kiểm tra về đo lường, chất lượng và sở hữu trí tuệ đối với thực phẩm theo quy định; Tham gia phối hợp thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về an toàn thực phẩm theo đề nghị của cơ quan chủ trì.

c) Khuyến khích, thúc đẩy nghiên cứu, ứng dụng khoa học kỹ thuật mới trong lĩnh vực an toàn thực phẩm.

4. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chỉ đạo các cơ quan thông tấn, báo chí, hệ thống truyền thanh cơ sở dành thời lượng phù hợp để phổ biến kiến thức, quy định pháp luật và các hoạt động bảo đảm an toàn thực phẩm cho người dân, cộng đồng.

b) Chỉ đạo các đơn vị trong ngành thực hiện quảng cáo thực phẩm theo Luật Quảng cáo, Điều 43 của Luật an toàn thực phẩm về quảng cáo thực phẩm và các văn bản hiện hành về xác nhận nội dung quảng cáo thực phẩm của các Bộ Y tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Bộ Công Thương. Phối hợp với các sở, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp kiểm tra, giám sát việc chấp hành quy định về nội dung quảng cáo các sản phẩm thực phẩm theo quy định của pháp luật.

c) Đôn đốc các cơ quan chức năng liên quan phản hồi các thông tin phản ánh thiếu khách quan, sai sự thật trên báo chí; Không để thông tin sai sự thật làm ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất, kinh doanh và đời sống của nhân dân; Kịp thời cung cấp thông tin chính thống để định hướng dư luận xã hội và phản bác các thông tin sai trái, xuyên tạc trên các trang mạng xã hội.

5. Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch

a) Quản lý nhà nước về các hoạt động quảng cáo ngoài trời liên quan đến an toàn thực phẩm.

b) Phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm để tuyên truyền các thông điệp an toàn thực phẩm tại các lễ hội, điểm tập trung đông người và đầu mối giao thông. Tuyên truyền đảm bảo an toàn thực phẩm tại các cơ sở lưu trú và các khu, điểm du lịch có các cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống.

6. Sở Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo các cơ sở giáo dục có dịch vụ ăn uống bảo đảm đủ điều kiện an toàn thực phẩm. Kiên quyết không để các cơ sở không đủ điều kiện theo quy định cung ứng dịch vụ ăn uống cho các cơ sở giáo dục. Triển khai các mô hình điểm bếp ăn bảo đảm an toàn thực phẩm ở các trường học, cơ sở giáo dục.

b) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục kiến thức về an toàn thực phẩm trong trường học, huy động giáo viên và học sinh, phụ huynh học sinh tham gia tích cực vào công tác bảo đảm an toàn thực phẩm tại trường học.

c) Phối hợp với các cơ quan chức năng đánh giá, phân loại về công tác an toàn thực phẩm tại các nhà trường, cơ sở giáo dục trong toàn tỉnh.

7. Sở Kế hoạch và Đầu tư



a) Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính cân đối đảm bảo kinh phí cho các nhiệm vụ, dự án trong lĩnh vực an toàn thực phẩm từ các nguồn vốn đầu tư, kế hoạch.

b) Phối hợp với Sở Y tế huy động nguồn xã hội hóa, nguồn tài trợ của các tổ chức, cá nhân đầu tư vào lĩnh vực an toàn thực phẩm của tỉnh.

8. Sở Tài chính

a) Chủ trì, phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư hướng dẫn triển khai và cân đối kinh phí cho các nhiệm vụ thường xuyên, kế hoạch thực hiện và mua sắm trang thiết bị, cải tạo chống xuống cấp các công trình để đảm bảo điều kiện hoạt động trong lĩnh vực an toàn thực phẩm từ nguồn ngân sách, chi thường xuyên của tỉnh.

b) Hướng dẫn, kiểm tra việc quản lý, sử dụng và thanh quyết toán ngân sách, kinh phí chi cho công tác an toàn thực phẩm theo đúng quy định.

9. Báo Hà Tĩnh, Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh

Tăng thời lượng đăng tải, phát sóng các tin bài, các chương trình, chuyên mục, chuyên đề về bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm; kịp thời phản ánh tình hình an toàn thực phẩm trên địa bàn, tuyên truyền phổ biến kiến thức, các quy định pháp luật về an toàn thực phẩm.

10. Sở Tài nguyên và Môi trường

a) Tổ chức thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, đề án bảo vệ môi trường chi tiết, kế hoạch bảo vệ môi trường của các cơ sở trồng trọt, chăn nuôi, giết mổ, chế biến, kinh doanh thực phẩm và nuôi trồng thủy hải sản theo quy định.

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan trong việc tiêu hủy sản phẩm thực phẩm không bảo đảm an toàn.

c) Tổ chức thẩm định, cấp phép xả thải đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm theo quy định.

Điều 8. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp huyện

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân tỉnh về việc bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn.

2. Tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp huyện; thực hiện chức năng quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm trên địa bàn theo các nội dung được phân công, phân cấp tại Quy định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện trực tiếp làm Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp huyện; tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh và các sở, ngành về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

3. Cấp và thu hồi giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm cho các cơ sở sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm trên địa bàn, bao gồm:

a) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm nông, lâm, thủy sản thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/giấy chứng nhận kinh tế trang trại do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp, trừ các cơ sở: Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; sản xuất kinh doanh thực phẩm không có địa điểm cố định, tàu cá có chiều dài lớn nhất dưới 15 mét; sơ chế nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn; cơ sở được cấp một trong các Giấy chứng nhận: Thực hành sản xuất tốt (GMP), Hệ thống phân tích mối nguy và điểm kiểm soát tới hạn (HACCP), Hệ thống quản lý an toàn thực



phẩm ISO 22000, Tiêu chuẩn thực phẩm quốc tế (IFS), Tiêu chuẩn toàn cầu về an toàn thực phẩm (BRC), Chứng nhận hệ thống an toàn thực phẩm (FSSC 22000) hoặc tương đương còn hiệu lực.

b) Cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm theo phân công quản lý của ngành Công Thương có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp (trừ hợp tác xã).

c) Các cơ sở sản xuất, kinh doanh trong chợ hạng 1, hạng 2, hạng 3.

d) Cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh do Ủy ban nhân dân cấp huyện cấp.

đ) Cơ sở sản xuất nước đá dùng liền và nước đá dùng để chế biến thực phẩm.

4. Tổ chức ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định cho các đối tượng không phải cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm trừ các đối tượng quy định tại Khoản 3 Điều 8 Quy định này.

5. Quản lý an toàn thực phẩm đối với các cơ sở thuộc thẩm quyền cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện hoặc thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm quy định tại Khoản 3 và Khoản 4 Điều này.

6. Cấp Giấy xác nhận kiến thức về an toàn thực phẩm/Giấy xác nhận đã được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm đối với chủ cơ sở và người lao động trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm thuộc các cơ sở do cấp huyện quản lý trong lĩnh vực nông nghiệp và công thương.

7. Tổ chức thanh tra, kiểm tra các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm, cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống theo phân cấp quản lý; xử lý các hành vi vi phạm về an toàn thực phẩm theo thẩm quyền.

8. Thực hiện đôn đốc, hướng dẫn giám sát việc thanh tra, kiểm tra công tác quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm đối với Ủy ban nhân dân cấp xã.

9. Giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm tại các lễ hội, hội chợ, sự kiện văn hóa - thể thao do địa phương tổ chức.

10. Tổ chức tuyên truyền, giáo dục, vận động việc thực hiện các quy định của pháp luật về bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn; đào tạo, tập huấn chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ tuyến cơ sở và người sản xuất, kinh doanh, chế biến thực phẩm; có các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm trên địa bàn.

11. Bố trí nguồn nhân lực cho các cơ quan chuyên môn trực thuộc và Ủy ban nhân dân cấp xã trên địa bàn để thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm.

12. Định kỳ, đột xuất báo cáo Thường trực Ban Chỉ đạo liên ngành tỉnh để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Điều 9. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã

1. Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân cấp huyện về việc bảo đảm an toàn thực phẩm trên địa bàn.

2. Tổ chức, điều hành Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm cấp xã; Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã trực tiếp làm Trưởng Ban Chỉ đạo liên ngành về an toàn thực phẩm; Tổ chức triển khai thực hiện các quy định của Chính phủ, các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân tỉnh, các sở, ngành, Ủy ban nhân dân cấp huyện và



thực hiện quản lý nhà nước về an toàn thực phẩm theo các nội dung được phân công, phân cấp tại Quy định này.

3. Thực hiện ký cam kết bảo đảm an toàn thực phẩm theo quy định tại Điều 4 Thông tư số 17/2018/TT-BNNPTNT ngày 31/10/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định phương thức quản lý điều kiện bảo đảm an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản không thuộc diện cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm thuộc phạm vi quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cho các cơ sở: Sản xuất ban đầu nhỏ lẻ; sản xuất, kinh doanh không có địa điểm cố định (trừ tàu cá có chiều dài lớn nhất từ 15 mét trở lên); sơ chế nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ; kinh doanh thực phẩm bao gói sẵn.

4. Quản lý an toàn thực phẩm đối với cơ sở quy định tại Khoản 3 Điều này và các cơ sở kinh doanh thực phẩm nhỏ lẻ, thức ăn đường phố; chợ dân sinh và tụ điểm kinh doanh trên địa bàn.

5. Giám sát bảo đảm an toàn thực phẩm tại các lễ hội, hội chợ, sự kiện văn hóa - thể thao do cấp xã tổ chức.

6. Tổ chức thực hiện công tác thông tin, giáo dục, truyền thông về an toàn thực phẩm trên địa bàn.

7. Kiểm tra, giám sát và xử lý vi phạm về an toàn thực phẩm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh thực phẩm được phân cấp quản lý.

8. Phối hợp với các đơn vị liên quan thuộc các sở, ngành, UBND cấp huyện tổ chức thực hiện phòng ngừa, ngăn chặn, khắc phục sự cố an toàn thực phẩm; giám sát các hoạt động quảng cáo thực phẩm trên địa bàn.

9. Bố trí nguồn lực để thực hiện công tác quản lý an toàn thực phẩm.

10. Định kỳ, đột xuất báo cáo UBND huyện để tổng hợp, báo cáo theo quy định.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 10. Trách nhiệm thi hành

Các Sở: Y tế, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Công Thương, các sở, ban, ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các cấp, các tổ chức cá nhân có liên quan đến an toàn thực phẩm có trách nhiệm thực hiện Quy định này.

Điều 11. Khen thưởng, kỷ luật

Tổ chức, cá nhân có thành tích xuất sắc trong thực hiện Quy định này được xem xét khen thưởng theo quy định.

Cơ quan, đơn vị, địa phương và cán bộ, công chức, viên chức được phân công, giao nhiệm vụ nếu để xảy ra sai phạm, tùy theo tính chất, mức độ sẽ bị xử lý đúng quy định pháp luật.

Điều 12. Quy định chuyển tiếp

Các Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm, Giấy tiếp nhận bản công bố hợp quy và Giấy xác nhận công bố phù hợp quy định an toàn thực phẩm, Giấy xác nhận kiến thức an toàn thực phẩm được cấp trước ngày Quy định này có hiệu lực được tiếp tục sử dụng đến khi hết thời hạn ghi trên giấy và hết thời hạn sử dụng của sản phẩm.



Điều 13. Sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có sự thay đổi, hướng dẫn của cấp trên hoặc phát sinh các khó khăn, vướng mắc, yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp kịp thời báo cáo bằng văn bản về Sở Y tế để tổng hợp, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp. /

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Đặng Quốc Vinh